

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|--------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 1 - 2 |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | 4 - 5 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | 6 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ | 7 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH | 8 - 32 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Hội Đồng Quản Trị

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|------------------------|----------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | Chủ tịch Hội đồng Quản trị |
| Ông Trịnh Bá Hoàng | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Thành viên |

Ban Tổng Giám đốc

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-----------------------|-------------------|
| Ông Trịnh Bá Hoàng | Tổng Giám đốc |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đặng Việt Hùng | Phó Tổng Giám đốc |

Ban kiểm soát

| <u>Họ và tên</u> | <u>Chức vụ</u> |
|-------------------------|----------------|
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thảo | Trưởng ban |
| Ông Nguyễn Thế Phong | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thanh Triều | Thành viên |

CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG NĂM

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, uơm cá - tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016.

2. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc




TRỊNH BÁ HOÀNG

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2017

Số: 123/2016/DFK-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016
của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản****Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy Sản (“Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, được lập ngày 30 tháng 3 năm 2017, từ trang 04 đến trang 32 kèm theo.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**NGUYỄN LƯƠNG NHÂN****Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Tp. HCM, ngày 30 tháng 3 năm 2017

**LÊ ĐÌNH HUYỀN****Kiểm toán viên**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số
1756-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 224.409.451.398 | 231.655.102.851 |
| <i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i> | 110 | V.01 | 2.257.357.063 | 1.507.341.698 |
| 1. Tiền | 111 | | 2.257.357.063 | 1.507.341.698 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| <i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i> | 120 | V.02 | 162.205.200 | 188.786.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | 531.000.000 | 531.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | (368.794.800) | (342.214.000) |
| <i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i> | 130 | | 21.362.578.625 | 33.788.672.698 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.03 | 19.584.370.617 | 23.134.723.985 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.04 | 4.287.921.465 | 7.685.653.780 |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.05 | 2.825.559.378 | 2.968.294.933 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | | (5.335.272.835) | - |
| <i>IV. Hàng tồn kho</i> | 140 | V.06 | 199.480.937.950 | 194.968.814.841 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 205.719.068.350 | 196.358.330.593 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (6.238.130.400) | (1.389.515.752) |
| <i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i> | 150 | | 1.146.372.560 | 1.201.487.614 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.10 | - | 130.858.448 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 467.838.549 | - |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.12 | 678.534.011 | 1.070.629.166 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 92.736.310.995 | 136.861.697.912 |
| <i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i> | 210 | | 8.041.292.671 | 12.394.837.862 |
| 1. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.05 | 9.616.184.434 | 12.394.837.862 |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | (1.574.891.763) | - |
| <i>II. Tài sản cố định</i> | 220 | | 28.050.612.406 | 30.193.435.172 |
| 1. TSCĐ hữu hình | 221 | V.07 | 26.335.562.484 | 28.192.739.254 |
| - Nguyên giá | 222 | | 120.576.470.229 | 118.724.729.483 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (94.240.907.745) | (90.531.990.229) |
| 2. TSCĐ vô hình | 227 | V.08 | 1.715.049.922 | 2.000.695.918 |
| - Nguyên giá | 228 | | 5.788.007.600 | 5.788.007.600 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.072.957.678) | (3.787.311.682) |
| <i>III. Bất động sản đầu tư</i> | 230 | | - | - |
| <i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i> | 240 | | 4.616.372.769 | 16.821.829.160 |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.09 | 4.616.372.769 | 16.821.829.160 |
| <i>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i> | 250 | V.02 | 42.441.625.037 | 66.714.262.337 |
| 1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | 18.534.213.101 | 65.026.276.051 |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | | 36.954.332.423 | 4.634.906.773 |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | (13.046.920.487) | (2.946.920.487) |
| <i>VI. Tài sản dài hạn khác</i> | 260 | | 9.586.408.112 | 10.737.333.381 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | 9.586.408.112 | 10.737.333.381 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 317.145.762.393 | 368.516.800.763 |

Các thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 169.130.499.598 | 188.606.039.226 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 121.125.858.757 | 151.616.946.884 |
| 1. Phải trả cho người bán | 311 | V.11 | 24.489.573.180 | 13.322.415.040 |
| 2. Người mua trả tiền trước | 312 | | 1.299.036.422 | 551.677.287 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước | 313 | V.12 | - | 84.240.742 |
| 4. Phải trả công nhân viên | 314 | | - | - |
| 5. Chi phí phải trả | 315 | V.13 | 600.000.000 | 600.000.000 |
| 6. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.14 | 4.798.404.120 | 7.008.910.807 |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.15 | 83.602.345.046 | 123.553.850.850 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.16 | 6.336.499.989 | 6.495.852.158 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 48.004.640.841 | 36.989.092.342 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | 337 | V.14 | 38.404.640.841 | 26.375.092.342 |
| 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.15 | 9.600.000.000 | 10.614.000.000 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 148.015.262.795 | 179.910.761.537 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.17 | 148.015.262.795 | 179.910.761.537 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 128.070.000.000 | 128.070.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 24.156.097.000 | 24.156.097.000 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | 21.221.178.468 | 20.879.178.468 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | (25.432.012.673) | 6.805.486.069 |
| - LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước | 421a | | 6.403.225.000 | 6.403.225.000 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 317.145.762.393 | 368.516.800.763 |



LẠI TUYẾT THANH

Người lập

Ngày 30 tháng 3 năm 2017



LẠI TUYẾT THANH

Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

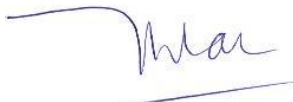
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

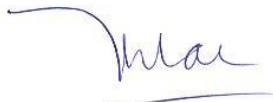
Mẫu B 02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-------|-------------|------------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | | 111.511.119.593 | 123.497.365.786 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.01 | 111.511.119.593 | 123.497.365.786 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.02 | 94.025.396.874 | 94.847.884.709 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 17.485.722.719 | 28.649.481.077 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.03 | 2.978.505.519 | 1.184.225.378 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.04 | 19.952.974.221 | 11.360.366.773 |
| - Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 6.702.785.768 | 6.315.620.812 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | VI.05 | 7.416.391.159 | 6.224.482.327 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.06 | 20.649.651.396 | 12.013.675.563 |
| 10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (27.554.788.538) | 235.181.792 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 5.388.446 | 318.840.914 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 4.285.837.581 | 81.834.007 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | VI.07 | (4.280.449.135) | 237.006.907 |
| 14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế | 50 | | (31.835.237.673) | 472.188.699 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | VI.08 | - | 69.927.630 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.09 | (2.486) | 31 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.09 | (2.486) | 31 |



LẠI TUYẾT THANH
Người lập
Ngày 30 tháng 3 năm 2017



LẠI TUYẾT THANH
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

MẪU B 03-DN

Đơn vị tính: VNĐ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------|-------------------------|----------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế | 01 | (31.835.237.673) | 472.188.699 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 02 | 3.994.563.512 | 4.242.313.022 |
| Các khoản dự phòng | 03 | 21.885.360.046 | (1.482.799.640) |
| (Lãi)/lỗ do từ hoạt động đầu tư | 05 | (17.218.400) | (320.754.619) |
| Chi phí lãi vay | 06 | 6.702.785.768 | 6.315.620.812 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | 730.253.253 | 9.226.568.274 |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu | 09 | (306.268.728) | 13.945.543.493 |
| (Tăng)/giảm hàng tồn kho | 10 | (9.360.737.757) | (4.417.140.690) |
| Tăng/(giảm) các khoản phải trả | 11 | 23.855.636.260 | (13.375.420.153) |
| (Tăng)/giảm chi phí trả trước | 12 | 1.281.783.717 | 993.723.876 |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | (6.702.785.768) | (7.053.459.965) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | (2.206.317.914) | (98.769.771) |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | 12.205.456.391 | 2.355.720.000 |
| Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | (219.613.238) | (469.929.175) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 19.277.406.216 | 1.106.835.889 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 21 | (1.851.740.746) | (329.422.308) |
| Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 22 | - | 305.000.000 |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 24.272.637.300 | - |
| Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 17.218.400 | 34.332.917 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | 22.438.114.954 | 9.910.609 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | 150.381.294.659 | 177.920.097.255 |
| Tiền trả nợ gốc vay | 34 | (191.346.800.464) | (177.865.692.902) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | (40.965.505.805) | 54.404.353 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 750.015.365 | 1.171.150.851 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 1.507.341.698 | 336.190.847 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 2.257.357.063 | 1.507.341.698 |



LẠI TUYẾT THANH
 Người lập
 Ngày 30 tháng 3 năm 2017



LẠI TUYẾT THANH
 Kế toán trưởng



TRỊNH BA HOÀNG
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 08 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 1994/GP-UB ngày 30/8/1999 của UBND TP.HCM và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301805696 lần thứ nhất vào ngày 01/9/1999 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 18 ngày 13/01/2012 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM (HOSE) với mã chứng khoán là ICF từ ngày 18/12/2007 theo Quyết định số 170/QĐ-SGDHCM ngày 11/12/2007 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

| | |
|--------------------------------|----------------------|
| Vốn điều lệ đăng ký | 868.000.000.000 đồng |
| Vốn góp thực tế đến 31/12/2016 | 128.070.000.000 đồng |

Trụ sở và nhà xưởng sản xuất đặt tại Lô số A77/I, Đường số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, phường Bình Hưng Hòa B, quận Bình Tân, Tp.HCM.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - thương mại - dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh đăng ký của Công ty là:

- Nuôi trồng thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá - tôm giống, chế biến cá, thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai, sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát;
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;
- Mua bán hàng nông - lâm - thủy - hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; đào tạo nghề, môi giới bất động sản;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán);
- Dịch vụ kiểm đếm, xếp dỡ hàng hoá, giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Dịch vụ khai thuê hải quan, kinh doanh vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ, đường thủy nội địa, đường biển, đường hàng không;
- Cho thuê phương tiện vận tải, đại lý vận tải đường biển và đường hàng không, môi giới thương mại, đại lý bán vé máy bay;
- Mua bán xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe, thiết bị viễn thông;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.

4. Tổng số công nhân viên: Tổng số lao động đến ngày 31/12/2016: 270 người.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

| Nhóm tài sản | Thời gian khấu hao (Năm) |
|---------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 – 25 |
| Máy móc thiết bị | 07 – 12 |
| Phương tiện vận tải | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 – 08 |

7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nhãn hiệu hàng hoá

Nhãn hiệu hàng được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 20 năm.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm

8. Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

9. Chi phí trả trước

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ đến tháng 9/2049;
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh theo Thông tư 201/2009/BTC được phân bổ vào chi phí tài chính với thời gian là 5 năm;
- Chi phí trả trước khác được phân bổ vào chi phí theo thời gian dao động từ 03 – 05 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán điều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Các khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết sau đó được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

niêm yết dựa vào giá niêm yết trên thị trường chứng khoán. Các chứng khoán chưa được niêm yết do chưa xác định được một cách chắc chắn giá trị hợp lý của chúng nên được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được nắm giữ với mục đích kinh doanh mua, bán trong ngắn hạn. Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp. Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0); chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Đầu tư tài chính khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo chi phí mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng. Các chứng khoán không niêm yết và không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

11. Các khoản phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, tương xứng với doanh thu đã ghi nhận, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

12. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng như sau: Bảo hiểm xã hội được trích vào chi phí là 18% và 8% từ lương công nhân viên; Bảo hiểm y tế được trích vào chi phí là 3% và 1,5% từ lương công nhân viên và Bảo hiểm thất nghiệp được trích vào chi phí là 1% và 1% từ lương công nhân viên.

13. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/l, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận dựa trên chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu phát hành ra thị trường.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Quyết định của Hội đồng Quản trị và được Đại hội cổ đông thông qua.

15. Ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Chi phí

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

16. Các bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc xác định thuế thu nhập chịu thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Thực hiện dự án đầu tư nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh, Công ty tự xác định được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15%; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, và giảm 50% số thuế phải nộp cho 7 năm tiếp theo.

Công ty là tổ chức có chứng khoán niêm yết lần đầu tại trung tâm giao dịch chứng khoán, nên được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi thực hiện việc niêm yết. Thời gian hưởng ưu đãi do có chứng khoán được niêm yết được tính kể từ khi kết thúc thời hạn miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Luật Thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2016, Công ty đã áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 15% theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính, áp dụng đối với doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong năm của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Tiền mặt | 14.618.977 | 52.199.751 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 2.242.738.086 | 1.455.141.947 |
| Cộng | 2.257.357.063 | 1.507.341.698 |

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**2.1. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|------------------------|----------------|-----------------------|-----------------|----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VNĐ | Giá trị hợp lý VNĐ | Dự phòng VNĐ | Giá gốc VNĐ | Giá trị hợp lý VNĐ | Dự phòng VNĐ |
| Chứng khoán kinh doanh | 531.000.000 | 162.205.200 | 368.794.800 | 531.000.000 | 188.786.000 | 342.214.000 |

Khoản đầu tư mua 7.836 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Khoan dầu khí (PVD). Cổ phiếu này đã niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2016, được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------|--------------------|--------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 342.214.000 | 131.422.500 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 26.580.800 | 210.791.500 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 368.794.800 | 342.214.000 |

2.2. Đầu tư tài chính dài hạn

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|-----------------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|----------------------|
| | Giá gốc ngàn VNĐ | Giá trị hợp lý ngàn VNĐ | Dự phòng ngàn VNĐ | Giá gốc ngàn VNĐ | Giá trị hợp lý ngàn VNĐ | Dự phòng ngàn VNĐ |
| Đầu tư vào công ty liên kết | 18.534.213 | 15.587.293 | 2.946.920 | 65.026.276 | 62.079.356 | 2.946.920 |
| Đầu tư vào đơn vị khác | 36.954.332 | 26.854.332 | 10.100.000 | 4.634.907 | 4.634.907 | - |
| Cộng | 55.488.546 | 42.441.625 | 13.046.920 | 69.661.183 | 66.714.262 | 2.946.920 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

2.2.1. Đầu tư vào công ty liên kết

| Tên Công ty liên kết | Giá trị đầu tư | |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga (a) | - | 39.600.000.000 |
| Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ (b) | 14.992.000.000 | 14.992.000.000 |
| Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Châu Âu (c) | 3.542.213.101 | 10.434.276.051 |
| Cộng | 18.534.213.101 | 65.026.276.051 |

(a) Đầu tư vào Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ Sa Ga với mục đích xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đĩnh Chi, P. Đa Kao, Q.1, Tp. HCM theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 410202611 ngày 22/12/2008 (vốn góp đăng ký là 47.468.280.000 đồng tương đương 21,07%, vốn góp thực tế của Công ty là 39.600.000.000 đồng tương đương 17,58%). Trong năm 2016, Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh dịch vụ Sa Ga đã Quyết định ngừng triển khai dự án và hoàn trả vốn đã góp cho các thành viên góp vốn. Tại ngày 31/12/2016, tỷ lệ vốn góp của Công ty vào Công ty này dưới 20% và được trình bày tại khoản mục “đầu tư dài hạn khác”.

(b) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Hoa Kỳ (Incomfish US) tại Hoa Kỳ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD, số vốn thực góp đến ngày 31/12/2016 là 900.000.00 USD tương đương 14.992.000.000 đồng.

(c) Khoản đầu tư ra nước ngoài thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Châu Âu (Incomfish EU) tại Vương Quốc Bỉ. Tổng vốn đầu tư đăng ký là 900.000USD. Vốn góp thực tế của Công ty là 454.368,95 EUR tương đương 10.434.276.051 đồng. Do kinh doanh không hiệu quả nên Hội đồng Quản trị Incomfish EU đã quyết định giải thể doanh nghiệp và thanh lý tài sản trả lại cho cổ đông. Trong năm 2016, Công ty đã nhận được số tiền được chia lần 1 là 274.368,84EUR tương đương 6.892.062.950 đồng. Số còn lại sẽ nhận được khi ICF EU hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết:

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

2.2.2. Đầu tư dài hạn khác

| Tên Công ty | Giá trị đầu tư | |
|--|-----------------------|----------------------|
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Thương mại Ve Ga | 4.634.906.773 | 4.634.906.773 |
| Công ty TNHH SXKD Dịch vụ Sa Ga | 22.219.425.650 | - |
| Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu | 10.100.000.000 | - |
| Cộng | 36.954.332.423 | 4.634.906.773 |

2.2.3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Tình hình biến động dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác như sau:

| | Năm 2016 | | Năm 2015 | |
|-----------------------------|-----------------------|----------------------|----------|-----|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 2.946.920.487 | 2.946.920.487 | - | - |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 10.100.000.000 | - | - | - |
| Hoàn nhập dự phòng | - | - | - | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 13.046.920.487 | 2.946.920.487 | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

| | 31/12/2016 | 01/01/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng ngắn hạn | 19.584.370.617 | 23.134.723.985 |
| <i>Phải thu bên liên quan</i> | - | 2.322.407.600 |
| - Công ty Cổ phần ĐT TM Thủy sản Hoa Kỳ | - | 2.322.407.600 |
| <i>Phải thu khách hàng khác</i> | <i>19.584.370.617</i> | <i>20.812.316.385</i> |
| - Dragon Sourcing Group Limited | 9.087.663.520 | 8.987.579.120 |
| - Kim Distri | 2.553.194.304 | 3.823.487.338 |
| - Biogritech Corp. | - | 2.699.388.000 |
| - 7 Seas Harvest Inc. | - | 2.560.700.880 |
| - FOOD PARTNERS CO SA | 6.402.621.260 | - |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 1.540.891.533 | 2.741.161.047 |
| Phải thu khách hàng dài hạn | - | - |
| Cộng | 19.584.370.617 | 23.134.723.985 |

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | | |
| - Lê Ngọc Mẫn | - | 3.989.129.050 |
| - Công ty TNHH Minh Phương | 3.159.860.000 | 3.539.860.000 |
| - Huỳnh Thị Phương | 891.937.765 | - |
| - Các khoản trả trước cho người bán khác | 236.123.700 | 156.664.730 |
| Cộng | 4.287.921.465 | 7.685.653.780 |

5. PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-----------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Phải thu khác ngắn hạn | 2.825.559.378 | - | 2.968.294.933 | - |
| <i>Phải thu từ đối tượng khác</i> | <i>2.825.559.378</i> | - | <i>2.968.294.933</i> | - |
| Thuế GTGT đầu vào chờ hoàn | 1.591.229.943 | - | 2.449.384.220 | - |
| Phải thu người lao động | 131.250.000 | - | 402.160.385 | - |
| Phải thu khác | 1.103.079.435 | - | 116.750.328 | - |
| Phải thu khác dài hạn | 9.616.184.434 | 1.574.891.763 | 12.394.837.862 | - |
| <i>Phải thu từ bên liên quan</i> | <i>462.491.763</i> | <i>462.491.763</i> | <i>462.491.763</i> | - |
| - Cty CP ĐT TM TS Hoa Kỳ | 462.491.763 | 462.491.763 | 462.491.763 | - |
| <i>Phải thu từ đối tượng khác</i> | <i>9.153.692.671</i> | <i>1.112.400.000</i> | <i>11.932.346.099</i> | - |
| - Ông Đặng Văn Đoàn | 1.112.400.000 | 1.112.400.000 | 1.112.400.000 | - |
| - Công ty CP TM TS Á Châu | 8.041.292.671 | - | 10.819.946.099 | - |
| Cộng | 12.441.743.812 | 1.574.891.763 | 15.363.132.795 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

| Nợ xấu | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|--|----------------------|-----------------------|----------------------------------|----------------------|-----------------------|----------------------------------|
| | Thời gian quá hạn | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ | Thời gian quá hạn | Giá gốc VNĐ | Giá trị có thể thu hồi VNĐ |
| <i>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</i> | | | | | | |
| Golden sea | Trên 3 năm | 791.441.075 | - | Trên 3 năm | 791.441.075 | 791.441.075 |
| ICF US | Trên 3 năm | 462.491.763 | - | Trên 3 năm | 462.491.763 | 462.491.763 |
| Mr Đặng Văn Đoàn | Trên 3 năm | 1.112.400.000 | - | Trên 3 năm | 1.112.400.000 | 1.112.400.000 |
| Dragon sourcing | Trên 1 năm | 9.087.663.520 | 4.543.831.760 | | 9.087.663.520 | 9.087.663.520 |
| Cộng | | 11.453.996.358 | 4.543.831.760 | | 11.453.996.358 | 11.453.996.358 |

6. HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá gốc VNĐ | Dự phòng VNĐ | Giá gốc VNĐ | Dự phòng VNĐ |
| Nguyên liệu, vật liệu | 177.377.498.991 | (1.964.103.288) | 165.098.156.538 | - |
| Công cụ dụng cụ | 2.686.165.801 | - | 2.839.955.992 | - |
| Chi phí sản xuất dở dang | 36.333.448 | - | 43.778.621 | - |
| Thành phẩm | 25.470.190.064 | (4.274.027.112) | 23.073.115.170 | (1.389.515.752) |
| Hàng gửi bán | 148.880.046 | - | 5.303.324.272 | - |
| Cộng | 205.719.068.350 | (6.238.130.400) | 196.358.330.593 | (1.389.515.752) |

Hàng tồn kho trong kho lạnh dùng để chấp cho các khoản vay thuyết minh tại mục 15 đã được mua bảo hiểm thông qua hợp đồng với Tổng Công ty Bảo hiểm bưu điện Vũng Tàu số 0005/HD/033-10/TS.3.1/2016. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 25/01/2016 đến ngày 25/01/2017).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VNĐ | VNĐ |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 1.389.515.752 | 1.389.515.752 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 4.848.614.648 | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 6.238.130.400 | 1.389.515.752 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

| | Nhà cửa, kiến trúc VND | Máy móc, thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 43.718.683.540 | 67.304.751.844 | 5.882.816.012 | 1.818.478.087 | 118.724.729.483 |
| Mua trong năm | - | - | 1.851.740.746 | - | 1.851.740.746 |
| Thanh lý trong năm | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2016 | 43.718.683.540 | 67.304.751.844 | 7.734.556.758 | 1.818.478.087 | 120.576.470.229 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 24.213.459.988 | 59.314.061.169 | 5.234.796.585 | 1.769.672.487 | 90.531.990.229 |
| Khấu hao trong năm | 1.831.576.000 | 1.244.687.822 | 603.724.109 | 28.929.585 | 3.708.917.516 |
| Thanh lý trong năm | - | - | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2016 | 26.045.035.988 | 60.558.748.991 | 5.838.520.694 | 1.798.602.072 | 94.240.907.745 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 19.505.223.552 | 7.990.690.675 | 648.019.427 | 48.805.600 | 28.192.739.254 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 17.673.647.552 | 6.746.002.853 | 1.896.036.064 | 19.876.015 | 26.335.562.484 |

Nhà xưởng và máy móc thiết bị đảm bảo thế chấp cho khoản vay thuyết minh tại mục 15 trang 22 đã được mua bảo hiểm theo hợp đồng với Công ty Bảo hiểm Bưu điện Vũng Tàu số 0005/HD0/033-10.TS.3.1/2016 ngày 25/01/2016. Thời hạn bảo hiểm là 1 năm (từ ngày 25/01/2016 đến ngày 25/01/2017).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | Nhãn hiệu hàng hóa VND | Phần mềm VND | Tổng cộng VND |
|------------------------|---------------------------|-----------------|------------------|
| NGUYÊN GIÁ | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 5.712.920.000 | 75.087.600 | 5.788.007.600 |
| Mua trong năm | - | - | - |
| Tại ngày 31/12/2016 | 5.712.920.000 | 75.087.600 | 5.788.007.600 |
| KHẤU HAO LŨY KẾ | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 3.712.224.082 | 75.087.600 | 3.787.311.682 |
| Khấu hao trong năm | 285.645.996 | - | 285.645.996 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 3.997.870.078 | 75.087.600 | 4.072.957.678 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | |
| Tại ngày 01/01/2016 | 2.000.695.918 | - | 2.000.695.918 |
| Tại ngày 31/12/2016 | 1.715.049.922 | - | 1.715.049.922 |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 75.087.600 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

| 9. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i> | | |
| Chi phí đầu tư vùng nuôi | 4.478.372.769 | 16.683.829.160 |
| Chi phí mua sắm tài sản cố định | 138.000.000 | 138.000.000 |
| Cộng | 4.616.372.769 | 16.821.829.160 |

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tại ngày 01 tháng 01 | 16.821.829.160 | 18.439.710.007 |
| Tăng trong năm | - | 737.839.153 |
| Kết chuyển sang tài sản cố định | - | - |
| Các khoản tăng (giảm) khác | (12.205.456.391) | (2.355.720.000) |
| Tại ngày 31 tháng 12 | 4.616.372.769 | 16.821.829.160 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tăng là do chi phí lãi vay được vốn hóa và giảm là do lãi vay được hoàn trả lại.

| 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| <i>Chi phí trả trước ngắn hạn</i> | - | 130.858.448 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ | - | 57.000.000 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | - | 73.858.448 |
| <i>Chi phí trả trước dài hạn</i> | 9.586.408.112 | 10.737.333.381 |
| Tiền thuê đất (*) | 8.779.419.693 | 9.046.264.053 |
| Chênh lệch tỷ giá chờ phân bổ | 699.846.212 | 1.224.730.868 |
| Công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ | - | 101.527.195 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 107.142.207 | 364.811.265 |
| Cộng | 9.586.408.112 | 10.868.191.829 |

(*) Trả trước tiền thuê đất dài hạn theo hợp đồng thuê lại đất số 424/HĐ-TLĐ-2000 ngày 27/9/2000 và Phụ lục số 1 ngày 25/5/2006 về việc thuê lại đất tại Lô số A74/I, A75/I, A76/I, A77/I - Đường số 7 - Khu công nghiệp Vĩnh Lộc - Quận Bình Tân - Thành phố Hồ Chí Minh. Diện tích thuê: 20.802 m². Thời hạn thuê đất đến tháng 9/2049.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 24.489.573.180 | 13.322.415.040 |
| <i>Phải trả người bán khác</i> | <i>24.489.573.180</i> | <i>13.322.415.040</i> |
| - Viet Rose International Pte. Ltd. | 0 | 4.874.490.482 |
| - Nichiyo Trading Co. Ltd. | 2.757.403.350 | 1.289.669.054 |
| - Tyson AS | 0 | 1.018.467.000 |
| - Công ty CP TM Thủy sản Á Châu | 0 | 1.275.067.756 |
| - FOOD PARTNERS CO SA | 14.009.774.186 | 0 |
| - Cơ sở mắm Bà giáo Khôe | 574.556.740 | 845.517.130 |
| - Các khoản phải trả người bán khác | 7.147.838.904 | 4.019.203.617 |
| <i>Phải trả bên liên quan</i> | <i>-</i> | <i>-</i> |
| Cộng | 24.489.573.180 | 13.322.415.040 |

(*) Trong đó, bao gồm số dư các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ là 846.360,05 USD tương đương 19.288.555.796 đồng.

Nợ quá hạn chưa thanh toán: Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ NHÀ NƯỚC

| | 01/01/2016 | | | Số đã nộp/khấu trừ | 31/12/2016 | |
|----------------------|----------------------|-------------------|----------------------|-----------------------|--------------------|-------------|
| | Số phải thu | Số phải nộp | Số phải nộp | | Số phải thu | Số phải nộp |
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> | | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Thuế GTGT | - | - | 699.191.672 | 699.191.672 | - | - |
| Thuế thu nhập DN | - | 24.157.890 | 2.182.160.024 | 2.206.317.914 | - | - |
| Thuế thu nhập CN | - | 60.082.852 | 382.000.329 | 442.083.181 | - | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | 1.070.629.166 | - | 2.692.054.667 | 2.299.959.512 | 678.534.011 | - |
| Thuế khác | - | - | 3.000.000 | 3.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.070.629.166 | 84.240.742 | 5.958.406.692 | 5.650.552.279 | 678.534.011 | - |

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Lãi vay cá nhân phải trả | 600.000.000 | 600.000.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. PHẢI TRẢ KHÁC**

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Phải trả khác ngắn hạn | 4.798.404.120 | 7.008.910.807 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp | 467.874.390 | 159.694.765 |
| Kinh phí công đoàn | 1.690.188.687 | 1.647.611.057 |
| Tiền thâm niên giữ lại | 1.422.199.806 | 1.489.441.153 |
| Phải trả cho Công ty CP TM TS Á Châu | - | 2.000.000.000 |
| Chi cục Hải quan quản lý hàng gia công | 524.141.013 | 924.984.343 |
| Nhận ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng | 50.000.000 | 300.000.000 |
| Các khoản phải trả khác | 644.000.224 | 487.179.489 |
| Phải trả khác dài hạn | 38.404.640.841 | 26.375.092.342 |
| Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (*) | 15.924.640.841 | 15.575.092.342 |
| Phải trả cho ông Nguyễn Phát Quang (*) | 9.800.000.000 | 9.800.000.000 |
| Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thu (*) | 1.680.000.000 | 1.000.000.000 |
| Phải trả cho Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (*) | 11.000.000.000 | - |
| Cộng | 43.203.044.961 | 33.384.003.149 |

(*) Phải trả khác dài hạn cho các cá nhân là các khoản mượn tiền, có thời hạn thanh toán trên 01 năm và không tính lãi suất.

15. CÁC KHOẢN VAY

| | 01/01/2016 | Trong năm | | 31/12/2016 |
|----------------------------------|-------------------------------|------------------------|------------------------|-------------------------------|
| | | Tăng | Giảm | |
| | Giá trị/Số có khả năng trả nợ | | | Giá trị/Số có khả năng trả nợ |
| | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> | <u>VND</u> |
| Vay ngắn hạn | 123.553.850.850 | 151.395.294.659 | 191.346.800.464 | 83.602.345.046 |
| - NH Ngoại thương (15.1) | 113.989.789.319 | 144.856.759.226 | 184.250.847.359 | 74.595.701.187 |
| - NH Xuất nhập khẩu (15.2) | 7.812.061.531 | 5.524.535.433 | 5.343.953.105 | 7.992.643.859 |
| - <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i> | | | | |
| NH Xuất nhập khẩu (15.2) | 1.752.000.000 | 1.014.000.000 | 1.752.000.000 | 1.014.000.000 |
| Vay dài hạn | 10.614.000.000 | - | 1.014.000.000 | 9.600.000.000 |
| - NH Xuất nhập khẩu (15.2) | 1.014.000.000 | - | 1.014.000.000 | - |
| - Nguyễn T Kim Xuân (15.3) | 6.600.000.000 | - | - | 6.600.000.000 |
| - Nguyễn T Kim Thu (15.3) | 3.000.000.000 | - | - | 3.000.000.000 |
| Cộng | 134.167.850.850 | 151.395.294.659 | 192.360.800.464 | 93.202.345.046 |

(15.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tp. HCM theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0122/KHDN1/16NH ngày 20/6/2016 với tổng hạn mức là 120 tỷ đồng; lãi suất vay theo từng thời điểm và cụ thể theo các giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo thế chấp cho khoản vay này là quyền sở hữu nhà xưởng và Quyền sử dụng đất tại Lô A74/I, A75/I, A76/I, A77/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh; máy móc thiết bị đã qua sử dụng của Công ty; Quyền sử dụng 8.909 m2 đất tại xã Phú Hòa Đông, Huyện Củ Chi, Tp.HCM của bà Nguyễn Thị Kim Xuân và ông Nguyễn Phát Quang. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là 55.077.588.101 đồng và 856.433,22 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***(15.2) Vay từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo các Hợp đồng tín dụng sau:**

- Vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2014-00982 ngày 31/10/2014 và biên bản sửa đổi bổ sung lần 01 ngày 30/12/2015; thời hạn vay 12 tháng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là 7.992.643.859 đồng.

- Vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 1401-LAV-2012-01088 ngày 29/6/2012; thời hạn vay 60 tháng; lãi suất vay theo từng lần giải ngân; mục đích vay: thanh toán tiền thuê ao nuôi theo Hợp đồng thuê đất số 010/0512/HDKT/KD/ACF-ICF ngày 15/5/2012. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay này là đất và tài sản gắn liền với đất tại số 91 Hai Bà Trưng, khu phố 2, phường 2, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang với tổng trị giá 10,446 tỷ đồng theo Hợp đồng thế chấp số 273/EIB/SG-TD/BLTS/2012 ngày 30/6/2012. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là 1.014.000.000 đồng.

(15.3) Các khoản vay dài hạn từ các cá nhân có thời hạn vay từ 24 đến 36 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, lãi suất năm 2016 là 0% theo biên bản thỏa thuận lãi suất.

| Kỳ hạn thanh toán vay dài hạn | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 1.014.000.000 | 1.752.000.000 |
| Trong năm thứ hai | 9.600.000.000 | 1.014.000.000 |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm | - | 9.600.000.000 |
| Sau năm năm | - | - |
| Cộng | 10.614.000.000 | 12.366.000.000 |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | (1.014.000.000) | (1.752.000.000) |
| Số phải trả sau 12 tháng | 9.600.000.000 | 10.614.000.000 |

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 01/01/2016 | Tăng do trích từ lợi nhuận | Chi quỹ trong năm | 31/12/2016 |
|-----------------|----------------------|----------------------------|--------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Quỹ khen thưởng | 4.322.995.509 | 20.100.000 | 189.900.000 | 4.153.195.509 |
| Quỹ phúc lợi | 2.172.856.649 | 40.161.069 | 29.713.238 | 2.183.304.480 |
| Cộng | 6.495.852.158 | 60.261.069 | 219.613.238 | 6.336.499.989 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***17. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU****17.1. Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

| | Vốn chủ sở hữu VND | Thặng dư vốn VND | Quỹ dự phòng tài chính VND | Quỹ đầu tư và phát triển VND | Lợi nhuận chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|----------------------------|------------------------|-----------------------|----------------------------------|------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2015 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | 5.705.281.300 | 10.848.897.168 | 11.208.531.546 | 179.988.807.014 |
| Góp vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 402.261.069 | 402.261.069 |
| Trích quỹ | - | - | - | 4.325.000.000 | (4.325.000.000) | - |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | (5.705.281.300) | 5.705.281.300 | (480.306.546) | (480.306.546) |
| Tại ngày 31/12/2015 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | - | 20.879.178.468 | 6.805.486.069 | 179.910.761.537 |
| Góp vốn | - | - | - | - | - | - |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | (31.835.237.673) | (31.835.237.673) |
| Trích quỹ | - | - | - | 342.000.000 | (342.000.000) | - |
| Tăng/(giảm) khác | - | - | - | - | (60.261.069) | (60.261.069) |
| Tại ngày 31/12/2016 | 128.070.000.000 | 24.156.097.000 | - | 21.221.178.468 | (25.432.012.673) | 148.015.262.795 |

17.2. Phân phối lợi nhuận

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Trích quỹ đầu tư phát triển | 342.000.000 | 4.325.000.000 |
| Trích quỹ dự phòng tài chính | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 60.261.069 | 480.306.546 |
| Trích cổ tức phải trả cổ đông | - | - |
| Cộng | 402.261.069 | 4.805.306.546 |

17.3. Cổ phiếu

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 86.800.000 | 86.800.000 |
| Số lượng cổ phần đã phát hành | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 12.807.000 | 12.807.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu | | |

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**18.1. Ngoại tệ các loại**

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-----------------|------------|------------|
| Dollar Mỹ (USD) | 3.979,38 | 1.431,02 |
| Euro (EUR) | 548,92 | 491,00 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/1, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH****1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa | 104.442.517.655 | 117.269.647.914 |
| Doanh thu khác | 7.068.601.938 | 6.227.717.872 |
| | <u>111.511.119.593</u> | <u>123.497.365.786</u> |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Giảm giá hàng bán | - | - |
| Cộng doanh thu thuần | <u>111.511.119.593</u> | <u>123.497.365.786</u> |

Chi tiết doanh thu như sau:

| | USD | VND | Quy ra VND |
|----------------------------|---------------------|-----------------------|------------------------|
| Doanh thu xuất khẩu | 4.191.809,84 | - | 93.598.769.632 |
| Doanh thu bán hàng nội địa | - | 10.843.748.023 | 10.843.748.023 |
| Doanh thu khác | - | 7.068.601.938 | 7.068.601.938 |
| Cộng | <u>4.191.809,84</u> | <u>17.912.349.961</u> | <u>111.511.119.593</u> |

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn thành phẩm, hàng hóa | 89.176.782.226 | 94.847.884.709 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 4.848.614.648 | - |
| Cộng | <u>94.025.396.874</u> | <u>94.847.884.709</u> |

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 17.218.400 | 25.040.417 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | - | 9.292.500 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 2.961.287.119 | 1.149.892.461 |
| Cộng | <u>2.978.505.519</u> | <u>1.184.225.378</u> |

4. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay ngân hàng | 6.702.785.768 | 6.315.620.812 |
| Hoàn nhập chi phí lãi vay cá nhân | - | (816.750.000) |
| Dự phòng/(hoàn nhập) giảm giá đầu tư chứng khoán | 10.178.586.000 | 210.791.500 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 3.071.602.453 | 5.650.704.461 |
| Cộng | <u>19.952.974.221</u> | <u>11.360.366.773</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Chi phí nhân viên bán hàng | 1.838.893.235 | 1.567.172.213 |
| Chi phí xuất hàng | 2.215.971.204 | 2.852.179.783 |
| Chi phí thay bao bì | 23.550.000 | 793.460.000 |
| Chi phí tham gia hội chợ | 731.883.350 | 136.247.273 |
| Hoa hồng bán hàng | - | 109.101.410 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 399.364.630 | 33.539.767 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.206.728.740 | 732.781.881 |
| Cộng | 7.416.391.159 | 6.224.482.327 |

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Chi phí nhân viên quản lý | 8.948.603.229 | 8.358.474.172 |
| Chi phí vật liệu, văn phòng phẩm | 69.767.393 | 96.455.181 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 472.501.833 | 480.708.482 |
| Chi phí dự phòng phải thu khó đòi | 6.910.164.598 | - |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 1.253.595.807 | 1.091.591.066 |
| Chi phí bằng tiền khác | 2.995.018.536 | 1.986.446.662 |
| Cộng | 20.649.651.396 | 12.013.675.563 |

7. LỢI NHUẬN KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------------|--------------------|
| | <u>VNĐ</u> | <u>VNĐ</u> |
| Thu thanh lý tài sản cố định | - | 305.000.000 |
| Các khoản thu nhập khác | 5.388.446 | 13.840.914 |
| Cộng | 5.388.446 | 318.840.914 |
| Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý | - | 18.578.298 |
| Thuế bị truy thu, phạt vi phạm hành chính | 4.156.202.537 | 3.288.001 |
| Các khoản chi phí khác | 129.635.044 | 59.967.708 |
| Cộng | 4.285.837.581 | 81.834.007 |
| Lợi nhuận từ hoạt động khác | (4.280.449.135) | 237.006.907 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-------------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận trước thuế | (31.835.237.673) | 472.188.699 |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế | - | (9.292.500) |
| Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ | 4.156.202.537 | 3.288.001 |
| Thu nhập chịu thuế | (27.679.035.136) | 466.184.200 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 15% | 15% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp | - | 69.927.630 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm | - | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | 69.927.630 |

9. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**9.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|------------------|-------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông. | - | - |
| - Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận phân bổ cho các cổ phần phổ thông. | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| Cổ phần phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 12.807.000 | 12.807.000 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần | (2.486) | 31 |

9.2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|------------------|-------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận: | | |
| - Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi | - | - |
| - Cổ tức của Cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi | - | - |
| Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | (31.835.237.673) | 402.261.069 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu | 12.807.000 | 12.807.000 |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu | (2.486) | 31 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh và bộ phận khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh hàng thủy sản, toàn bộ doanh thu phát sinh trong kỳ của Công ty đều phát sinh từ hoạt động này, bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, Công ty không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

2. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số III.18

Giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ tài chính

| | Giá trị ghi sổ | |
|--------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | VND | VND |
| Tài sản tài chính | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.257.357.063 | 1.507.341.698 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 32.026.114.429 | 38.497.856.780 |
| Đầu tư ngắn hạn | 162.205.200 | 188.786.000 |
| Đầu tư dài hạn | 42.441.625.037 | 66.714.262.337 |
| Tổng cộng | 76.887.301.729 | 106.908.246.815 |
| Công nợ tài chính | | |
| Các khoản vay | 93.202.345.046 | 134.167.850.850 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 67.692.618.141 | 46.706.418.189 |
| Chi phí phải trả | 600.000.000 | 600.000.000 |
| Tổng cộng | 161.494.963.187 | 181.474.269.039 |

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính "Thông tư 210". Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công nợ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá hối đoái trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp.

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD và EUR như sau:

| | (USD) | | (EUR) | |
|------------------------------------|---------------------|---------------------|---------------|---------------|
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| Tài sản | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 3.979,38 | 1.431,02 | 548,92 | 491,00 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 818.326,52 | 1.027.245,00 | - | - |
| Cộng | 822.305,90 | 1.028.676,02 | 548,92 | 491,00 |
| | (USD) | | (EUR) | |
| | 31/12/2016 | 01/01/2016 | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| Công nợ phải trả | | | | |
| Các khoản vay | 856.433,22 | 2.758.848,58 | - | - |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 846.360,50 | 367.176,15 | - | - |
| Cộng | 1.702.793,72 | 3.126.024,73 | - | - |

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty. Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường này thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***- Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữ nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phát sinh và tài sản tài chính phi phát sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

| Khoản mục | Dưới 01 năm | Từ 01 - 05 năm | Tổng |
|--------------------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND |
| NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH | | | |
| Tại 31/12/2016 | | | |
| Các khoản vay | 83.602.345.046 | 9.600.000.000 | 93.202.345.046 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 29.287.977.300 | 38.404.640.841 | 67.692.618.141 |
| Chi phí phải trả | 600.000.000 | - | 600.000.000 |
| Cộng | 113.490.322.346 | 48.004.640.841 | 161.494.963.187 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | |
| Các khoản vay | 123.553.850.850 | 10.614.000.000 | 134.167.850.850 |
| Phải trả người bán và phải trả khác | 20.331.325.847 | 26.375.092.342 | 46.706.418.189 |
| Chi phí phải trả | 600.000.000 | - | 600.000.000 |
| Cộng | 144.485.176.697 | 36.989.092.342 | 181.474.269.039 |
| TÀI SẢN TÀI CHÍNH | | | |
| Tại 31/12/2016 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 2.257.357.063 | - | 2.257.357.063 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 22.409.929.995 | 9.616.184.434 | 32.026.114.429 |
| Đầu tư ngắn và dài hạn | 162.205.200 | 42.441.625.037 | 42.603.830.237 |
| Cộng | 24.829.492.258 | 52.057.809.471 | 76.887.301.729 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 1.507.341.698 | - | 1.507.341.698 |
| Phải thu khách hàng và phải thu khác | 26.103.018.918 | 12.394.837.862 | 38.497.856.780 |
| Đầu tư ngắn và dài hạn | 188.786.000 | 66.714.262.337 | 66.903.048.337 |
| Cộng | 27.799.146.616 | 79.109.100.199 | 106.908.246.815 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Tài sản đảm bảo**

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất, và các khoản phải thu (thuyết minh tại Mục số 15 - Phần IV - Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

| | Giá trị sổ sách | Tăng (giảm) | Giá trị hợp lý | Dự phòng giảm giá |
|----------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 531.000.000 | (368.794.800) | 162.205.200 | (368.794.800) |
| - Chứng khoán vốn | 531.000.000 | (368.794.800) | 162.205.200 | (368.794.800) |
| Đầu tư dài hạn | 55.488.545.524 | (13.046.920.487) | 42.441.625.037 | (13.046.920.487) |
| - Công ty liên kết | 18.534.213.101 | (2.946.920.487) | 15.587.292.614 | (2.946.920.487) |
| - Đầu tư dài hạn khác | 36.954.332.423 | (10.100.000.000) | 26.854.332.423 | (10.100.000.000) |
| Cộng | 56.019.545.524 | (13.415.715.287) | 42.603.830.237 | (13.415.715.287) |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Đầu tư ngắn hạn | 531.000.000 | (342.214.000) | 188.786.000 | (342.214.000) |
| - Chứng khoán vốn | 531.000.000 | (342.214.000) | 188.786.000 | (342.214.000) |
| Đầu tư dài hạn | 69.661.182.824 | (2.946.920.487) | 66.714.262.337 | (2.946.920.487) |
| - Công ty liên kết | 65.026.276.051 | (2.946.920.487) | 62.079.355.564 | (2.946.920.487) |
| - Đầu tư dài hạn khác | 4.634.906.773 | - | 4.634.906.773 | - |
| Cộng | 70.192.182.824 | (3.289.134.487) | 66.903.048.337 | (3.289.134.487) |

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng khi kết thúc năm tài chính tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (31/12/2016).

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư và các khoản điều chỉnh khác.

3. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu | 200.227.708.664 | 259.227.677.794 |
| Chi phí nhân công | 26.937.580.634 | 23.334.378.626 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 3.994.563.512 | 4.242.313.022 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.920.026.371 | 10.322.330.838 |
| Chi phí khác | 5.159.663.213 | 5.664.373.517 |
| Cộng | 256.239.542.394 | 302.791.073.797 |

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Lô số A77/I, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, P. Bình Hưng Hòa B, Q. Bình Tân, Tp. HCM

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

4. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu/phải trả đối với các bên liên quan như sau:

| | | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------------------|-----|----------------|----------------|
| Nợ phải thu | | VND | VND |
| Incomfish US | USD | - | 103.448,00 |
| Incomfish US | VND | 462.491.763 | 462.491.763 |
| Nợ phải trả | | | |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thúy | VND | 11.000.000.000 | - |
| Bà Nguyễn Thị Kim Xuân | VND | 22.524.640.841 | 22.175.092.342 |
| Bà Nguyễn Thị Kim Thu | VND | 4.680.000.000 | 4.000.000.000 |
| Ông Nguyễn Phát Quang | VND | 9.800.000.000 | 9.800.000.000 |

5. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



LẠI TUYẾT THANH
Người lập
Ngày 30 tháng 3 năm 2017



LẠI TUYẾT THANH
Kế toán trưởng



TRỊNH BÁ HOÀNG
Tổng Giám đốc